

Nội dung bài viết

1. [Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 trang 67: Luyện từ và câu](#)

**Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 trang 67: Luyện từ và câu**

**Câu 1:** Dựa theo nội dung bài *Đàn bê của anh Hồ Giáo* (Tiếng Việt 2, tập hai, trang 136), tìm những từ ngữ trái nghĩa điền vào chỗ trống :

Những con bê cái	Những con bê đực
- như những bé gái	- như những .....
- rụt rè	- .....
- ăn nhỏ nhẹ, từ tốn	- ăn .....

**Lời giải chi tiết:**

Những con bê cái	Những con bê đực
- như những bé gái	- như những <i>bé trai</i>
- rụt rè	- <i>đùa nghịch, nhảy quăng lên, chạy đuổi nhau</i>
- ăn nhỏ nhẹ, từ tốn	- <i>ăn quanh quẩn, vừa ăn vừa đùa nghịch</i>

**Câu 2:** Hãy giải nghĩa từng từ dưới đây bằng từ ngữ trái nghĩa với nó rồi điền vào chỗ trống.

**M :** *Trẻ con* trái nghĩa với *người lớn*.

a) Cuối cùng .....

b) Xuất hiện .....

c) Bình tĩnh .....

**Lời giải chi tiết:**

a) *Cuối cùng* trái nghĩa với *đầu tiên*.

b) *Xuất hiện* trái nghĩa với *biến mất*.

c) *Bình tĩnh* trái nghĩa với *lo sợ*.

**Câu 3**

Nối mỗi từ chỉ người ở cột A với công việc của người đó ở cột B :

<b>A</b>	<b>B</b>
Công nhân	Cấy lúa, trồng khoai, nuôi lợn (heo), thả cá...
Nông dân	Chỉ đường; giữ trật tự làng xóm, phố phường; bảo vệ nhân dân...
Bác sĩ	Bán sách, bút, vải, gạo, bánh kẹo, đồ chơi...
Công an	Làm giấy viết, vải mặc, giày dép, bánh kẹo, thuốc chữa bệnh, ô tô, máy cày,...
Người bán hàng	Khám và chữa bệnh

Lời giải chi tiết:

**A**

**B**

Công nhân

Cấy lúa, trồng khoai, nuôi lợn (heo), thả cá...

Nông dân

Chỉ đường; giữ trật tự làng xóm, phố phường; bảo vệ nhân dân...

Bác sĩ

Bán sách, bút, vải, gạo, bánh kẹo, đồ chơi...

Công an

Làm giấy viết, vải mặc, giày dép, bánh kẹo, thuốc chữa bệnh, ô tô, máy cày,...

Người bán hàng

Khám và chữa bệnh